

KINH DIỆU CÁT TƯỜNG  
BÌNH ĐẰNG TỐI THƯỢNG QUÁN MÔN ĐẠI GIÁO VƯƠNG  
\_QUYÊN THỨ BA\_

Hán dịch: Đời Tống, Quốc Sư của **Khiết Đan**, Tam Tạng Pháp Sư của nước **Ma Kiệt Đà** ở **Trung Thiên Trúc** là TỪ HIỀN dịch  
Phục hồi Phạn Chú và Việt dịch: HUYỀN THANH

\_Bấy giờ, Đức Thế Tôn bảo Bồ Tát Di Lặc rằng:

“Đã cột niệm xong

Lại vào **Quán Môn**

Trước, tưởng trong đỉnh

Mà làm Đàn Ấy

Liên tưởng an bày

Hoa sen trong đỉnh

Hoa ấy tám cánh

Ở trong hoa sen

Tướng đất Kim Cương

Tướng vành Nhật Nguyệt

Trên **vành mặt trời** (nhật luân)

Tướng mười hai chữ

Trên **vành mặt trăng** (nguyệt luân)

Tướng mười sáu chữ

Mẫu của chữ Phạn

Sinh ra các Pháp

Chẳng thể đắc được

.) trên vành trăng

Tướng an chữ **Án** (ॐ: OM)

Lại quán chữ **Án**

Tướng làm Bồ Tát

Xuay lại rồi đi

Mười phương Thế Giới

Tùy ý cúng dường

Chư Phật, Thánh Hiền

Khá lâu rồi đến

Làm hình bánh xe

Lại tưởng thay đổi

Làm **Tỳ Lô Phật** (Vairocana-buddha)

Còn Phật bốn phương

Thứ tự tưởng an

Thảy đều ngang đồng

Trước, tưởng **Chủng Trí**

Với tướng **Phạn Hiệu**

Kèm tướng năm **Án**

Bốn Ba La Mật

Theo bốn Phật làm

Rồi ở bốn góc  
Ngồi tòa ba tầng  
Không có vành trăng  
Dưới đèn Minh Vương  
Thấy đều như vật  
Chín vị trí trên  
**Ở Viện thứ nhất**  
**.)Nội bát Bồ Tát** (8 vị Bồ Tát bên trong)  
Tướng chữ **Chủng Trí**  
Vớ tướng **Mật Hiệu**  
Kèm tướng **Ấn Khế**

**.)Ở Viện thứ hai**  
Hai bên bốn cửa  
Thứ tự chia bày  
**Ngoại thập nhị Tôn** (12 Tôn bên ngoài)  
Mười vị Minh Vương  
Cũng tướng **Chủng Trí**  
Vớ **Mật Hiệu** ấy  
Kèm tướng **Bồ Tát**  
Cầm vật đã hiển  
Vớ tướng mười phương  
**Minh Vương Ấn Tướng**  
Thứ tự sẽ nói

**.)Đông Phương Minh Vương Ấn**  
Giới **Phương** (2 ngón vô danh) cùng móc lưng  
**Thiên Trí** (2 ngón cái) vịn **Nhẫn Nguyệt** (2 ngón giữa)  
Co **Tiến** (ngón trỏ phải) duỗi **Lực Độ** (ngón trỏ trái)  
**Đàn Tuệ** (2 ngón út) tựa móc câu  
Hướng bên trái thành **Ấn**  
Răng nanh bậm môi dưới  
Nghiêng mắt nhìn nơi **Ấn**  
Chân trái tựa móc câu  
Nghiêng chân phải đứng thẳng  
Mà thành **Câu Triệu Khế**

**.)Nam Phương Minh Vương Ấn**  
**Giới Phương** (2 ngón vô danh) **Tiến Lực** (2 ngón trỏ) cùng móc lưng  
Như trước, **Thiên Trí** (2 ngón cái) vịn **Nhẫn Nguyệt** (2 ngón giữa)  
**Đàn Tuệ** (2 ngón út) như trước, cũng tựa móc  
Tướng khác đều đồng **Đông Minh Vương**  
Tên hiệu cũng là **Câu Triệu Ấn**

**.)Tây Phương Minh Vương Ấn**  
**Đàn Tuệ** (2 ngón út) **Tiến Lực** (2 ngón trỏ) cùng móc nhau  
Thiên Trí (2 ngón cái) đè **Giới Nhẫn** (ngón vô danh phải, ngón giữa phải)  
**Phương Nguyệt** (ngón vô danh trái, ngón giữa trái)

Ấn hướng bên trái an thể đứng  
Tướng khác cũng như **Đông Minh Vương**  
Tên hiệu gọi là **Pháp Định Ấn**

.) **Bắc Phương Minh Vương Ấn**

**Giới Phương** (2 ngón vô danh) **Nhãn Nguyệt** (2 ngón giữa) hợp móc nhau  
**Tiền Lực** (2 ngón trỏ) móc nhau cũng như vậy  
**Thiên Trí** (2 ngón cái) tự trụ đầu ngón tay  
**Đàn Tuệ** (2 ngón út) hợp duỗi bên trái trán  
Tướng khác đều đồng **Đông Minh Vương**  
Hiệu là **Giáng Phục Tự Tại Ấn**

.) **Đông Nam Phương Minh Vương Ấn**

**Đàn Tuệ** (2 ngón út) cùng móc lưng  
**Thiên Trí** (2 ngón cái) vịn **Nhãn Nguyệt** (2 ngón giữa)  
Dụng **Giới Phương** (2 ngón vô danh) **Tiền Lực** (2 ngón trỏ)  
An trí **bên trái** (*phía bên trái*) tim  
Nghiêng mắt mà nhìn ngó  
Tướng khác đồng **Bắc Phương**  
Tên là **Tối Thắng Ấn**

.) **Tây Nam Phương Minh Vương Ấn**

**Đàn Tuệ** (2 ngón út) móc bên trong  
Co **Giới Phương** (2 ngón vô danh) vào **chưởng** (lòng bàn tay)  
**Nhãn Nguyệt** (2 ngón giữa) tựa hơi cong  
**Thiên Trí** (2 ngón cái) cũng hơi cong  
Ngửa Ấn hướng về **miệng**  
Há miệng hiện nanh, râu  
Trợn mắt mà ngó nhìn  
Chân duỗi rộng, đứng thẳng  
Hiệu gọi là **Khẩu Ấn**

.) **Tây Bắc Phương Minh Vương Ấn**

**Thiên Trí** (2 ngón cái) vịn **Đàn Tuệ** (2 ngón út)  
Sáu ngón kia dựng đứng  
Hai tay giao chéo nhau  
Bên phải đè bên trái  
Trợn mắt nhìn ngay thẳng  
Bặm môi, hơi đứng nghiêng  
Tên là **Đại Lực Ấn**

.) **Đông Bắc Phương Minh Vương Ấn**

Hai tay chéo bên ngoài  
Tướng Ấn như **Tịnh Địa**  
Cắn thẳng vào môi dưới  
Trợn mắt, nhìn thẳng Ấn  
Hai chân: tướng đứng yên  
Tựa rộng rãi, đứng thẳng

Hiệu là **Vô Động Ấn**

.)**Hạ Phương Minh Vương Ấn**

Hai tay chéo bên trong

**Thiền Trí** (2 ngón cái) vịn **Nhẫn Nguyễn** (2 ngón giữa)

**Tiền lực** (2 ngón trỏ) hợp đầu ngón

Ngửa đầu ngón hướng xuống

**Ấn tả** (phía bên trái của Ấn) trợn mắt nhìn

Nghiêng cằm vào môi dưới

Giữ **hữu** (bên trái) nghiêng chông trái

Tên là **Tôi Chướng Ấn**

.)**Thượng Phương Minh Vương Ấn**

Chẳng sửa tướng Ấn trước

Nâng ngọn Ấn lên trên

Hướng Ấn bên trái trán

Trợn mắt như nhìn xuống

Tướng bặm môi với đứng

Đồng **Hạ Phương Minh Vương**

.)Mười Đại Minh Vương này

Cư ngụ **viện thứ ba**

Y vị trí, an bày

Mới thành **Đỉnh Nội Đàn** (Đàn bên trong đỉnh đầu)

Đỉnh Nội Phật Đàn xong

Quán thân là **Tỳ Lô** (Vairocana)

Rời **Quán**, niệm **Phật Đàn**

Đến chữ **Ấn** ( ॐ : OM) ngậm niệm

Chân Ngôn là:

“**Một đà, phộc nhật-la đạt la, thất-lý (1) mãn-năng để-lý phộc nhật-la, tỳ nễ-dã, bà vĩ năng (2) a địa sắt-xá năng, bá năng nhĩ nễ-đương (3) ca lỗ đổng ca dã, phộc nhật-lý năng (4) na xá nại-nghi tăng tất-thê đá (5) một đà khuấy tông đồ (6) ca dã phộc nhật-lý năng (7) Ấn (8) tát phộc đát tha nga đá (9) ca dã phộc nhật-la, sa-phộc bà phộc, đát-ma cú hám (10)**”

Ngậm niệm Phật Đàn xong

Rời tướng **Đàn trong miệng**

Năm Phật, **bốn Ba La** (4 Ba La Mật Bồ Tát)

Mười hai Tôn trong ngoài

Mười vị Đại Minh Vương

Bố trí tướng thứ tự

Cũng như **Đàn trong Đỉnh** (Đỉnh Nội Đàn)

Chỉ tướng hình chữ **A** ( ॐ : AH)

Mà thành **Đại Pháp Đàn**

Chủng Trí với Mật Hiệu

Ấn Khế, vật cầm tay

Mỗi đồng **Quán Tướng** trước

Rời thành **Vô Lượng Thọ** (Amitāyus)

Rời **Quán**, niệm Pháp Đàn  
Đến chữ **Án** (OM) ngâm niệm  
Chân Ngôn là:

“**Đạt la-mô phệ phộc ca bá tha, thất-lý (1) mãn-năng đề-lý phộc nhật-la, tỳ nễ-dã, bà vĩ năng (2) a địa sát-xá năng, bá năng nhĩ nễ-duỡng (3) ca lỗ đổng, phộc nga phộc nhật-lý năng (4) na xá nại-nghĩ tăng tất-thể đá (5) một đà, khuất tông đồ (6) phộc nga, phộc nhật-lý năng (7) Án (8) tát phộc đát tha nga đá (9) phộc nga, phộc nhật-la, bà-phộc bà phộc, đát-ma cú hám (10)**”

\_ Ngâm niệm Pháp Đàn xong  
Rời tướng **A Súc Tôn** (Akṣobhya)  
Thành vị thứ (thứ tự của vị trí) **Tâm Đàn**  
Chỉ quán hình chữ **Hồng** ( ㊦ : HŪM)  
Mà thành **Đại Tăng Đàn**  
Chư Phật, Đại Bồ Tát  
Mười vị Đại Minh Vương  
Tướng **Án** với Mật Hiệu  
Bố trí theo thứ tự  
Đều đồng **Đỉnh Nội Đàn**  
Mà thành **A Súc Phật**  
Rời **Quán**, niệm **Tăng Đàn**  
Đến chữ **Án** (OM) ngâm niệm  
Chân Ngôn là:

“**Tức đát, phộc nhật-la đạt la, thất-lý (1) mãn-năng đề-lý phộc nhật-la, tỳ nễ-dã, bà vĩ năng (2) a địa sát-xá năng, bá năng nhĩ nễ-duỡng (3) ca lỗ đổng, tức đá phộc nhật-lý năng (4) na xá nại-nghĩ tăng tất-thể đá (5) một đà, khuất tông đồ (6) nga đá phộc nhật-la năng (7) Án (8) tát phộc đát tha nga đá (9) tức đá phộc nhật-la, sa-phộc bà phộc, đát-ma cú hám (10)**”

\_ Tướng thành **ba Đàn** xong  
An Tâm, lặng chẳng động  
Liên dùng **dây Kim Cương** (Kim Cương Sách)  
Cột đổng của sáu Căn  
Tùy niệm, tùy buộc một  
Như áo giáp Kim Cương  
Chân Ngôn là:  
“**Án, châm, phộc nhật-la, lạc khát-la**”  
\*)OM\_ TUM VAJRA RAKṢA

\_ Tướng thành **ba Đàn** xong  
Rời có thể rời **Quán**  
Nên dùng Tâm ân trọng  
Quy mệnh **Tam Bảo Đàn**  
Lắc chuông tụng Mật Ngữ  
Chân Ngôn là:

“**Na mô một đà dã (1) năng mô đạt la-ma dã (2) năng mô tăng già dã (3) a bà phệ, bà phộc năng, bà phộc (4) bà phộc năng, nỉ phộc, bà phộc năng (5) y để bà vũ ma bà phộc tả đát-duỡng (6) bà phộc nam nỗ bá la tì-dạ đế (7) a nễ-dã nhĩ tát phả**”

**lăng nhĩ tát phả lăng đa bá (9) a nễ-dã nhĩ tát phả lăng địa-dã nam (10) a nễ-dã nhĩ, vĩ ninh mô khất-ly đẵng (11)”**

\_Quy mệnh Tam Bảo xong  
Sau đó lại vào **Quán**  
Trước mặt, tướng một Đàn  
Dưới là gió, lửa, nước  
Đều ở trên **Thổ Luân**  
Trên đất: sắt bốn màu  
**Sắt** trước, đến **đồng, bạc**  
Cuối cùng dùng **vàng ròng**  
Trên có đất tam giác  
Đây là **đất báu tạp** (tạo bảo địa)  
Sau đó ra khỏi **Quán**  
Hai tay cài chéo nhau  
**Chưởng Tâm** (tâm của lòng bàn tay) đè nơi đất  
Án thành đất Kim Cương  
Như đây mà an trí  
Rồi có thể vào **Quán**  
Nên quán hình chữ **A (𑖀)**  
Rồi trụ ngay trong Đàn  
Tướng chữ phát ánh sáng  
Lại đến làm hoa sen  
Tiếp nên tướng chữ **Hồng (𑖔: HŪM)**  
Rồi trụ trong hoa sen  
Làm đất kim cương báu  
Lại tướng chữ **Một-lung (𑖔: BHRŪM)**  
(Phạn nói **Một-lung**. Đây nói báu của Phật đều biểu thị cho thân của Tỳ Lô)  
Tướng làm ánh sáng trắng  
Rồi làm hình bánh xe  
Tướng **Luân** (Cakra: bánh xe) làm **bạch quang** (ánh sáng trắng)  
Đi rồi quay trở lại  
Mà thành gác bảy báu  
Trong có **Mạn Noa La** (Maṇḍala: Đàn)  
Rồi có ba lớp **Giới** (giới hạn)  
Mỗi Giới có bốn cửa  
Bốn cửa đều bốn màu  
Đông: trắng, Nam; màu xanh  
Tây: hồng, Bắc: màu vàng  
Lại tướng trong Đàn ấy  
Có vàng trắng, mặt trời  
Lại tướng **Án A Hồng (𑖀𑖔𑖔: OM ĀḤ HŪM)**  
Tướng ở trên vành trăng  
Đông, Tây rồi an trí  
Từ Đông: **Án A Hồng** (OM ĀḤ HŪM)  
Trước quán Thể chữ **Án (𑖔: OM)**  
Tướng làm tám Bồ Tát  
**Quán Tự Tại** (Avalokiteśvara) dẫn đầu

Tưởng đến mười phương giới  
Cúng dường nơi chư Phật

\_Tiếp tưởng chữ **A** (ॐ: ĀḤ) khởi  
Tưởng làm tám Bồ Tát  
Đức **Đại Bi** (Mahā-kāraṇa) dẫn đầu  
Cũng trụ mười phương giới  
Cúng dường nơi chư Phật

\_Tiếp tưởng chữ **Hồng** (ॐ: HŪM) khởi  
Tưởng làm tám Bồ Tát  
**Kim Cương Thủ** (Vajra-pāṇi) dẫn đầu  
Cũng đến mười phương giới  
Cúng dường các Như Lai

\_Tưởng **Án** (OM) tám Bồ Tát  
Cúng dường xong rồi đến  
Tưởng cùng làm **Phật Luân** (Buddha-cakra)  
Tưởng **A** (ĀḤ) tám Bồ Tát  
Cúng dường xong rồi đến  
Tưởng thành sen tám cánh  
Ở ngay trên Phật Luân  
Tưởng **Hồng** (HŪM) tám Bồ Tát  
Cúng dường xong rồi đến  
Như hình **bán ngũ chữ** (nửa cái chày năm châu)  
Tưởng ở trên lá sen

\_Tưởng **ba Chủng Trí** trước  
Đã khởi tám Bồ Tát  
Đi đến cùng thứ tự  
Lại tưởng **Luân** (bánh xe) **sen, chày**  
Cùng tuôn **ngũ sắc quang** (ánh sáng năm màu)  
Cũng tưởng đến mười phương  
Hơi lâu rồi thu lại  
Đều họp ở một nơi  
Rồi ở trên cánh sen

\_Xong, tưởng **bốn Ba La** (4 Ba La Mật Bồ Tát)  
Y phương vị, thứ tự  
Đều ngồi ở trong cửa  
Quý gối phải sát đất  
Chấp tay đều hướng Phật  
Rồi có thể rời **Quán**

\_ **Kim Cương Ba La Mật** (Vajra-pāramitā)  
Mới nói **Đại Già Tha** (Mahā-gāthā: Đại Kệ Tụng)  
Khen, tưởng cầu **A Súc** (Akṣobhya)  
Nói **Sở Cầu Tấn** là:

“Đát-cương phộc nhật-la tức đá (1) bộ phộc nỉ thấp-phộc la (2) tát đát-phộc đà cầu đát-la dạ, hứ hàm (3) la để ma nỗ nê-dã (4) ma hạ la-tha ca nhĩ (5) ca ma hứ hàm (6) nhạ năng ca, tát đát-phộc (7) ma hạ ngật-la hàm thố (8) dã nại-vĩ thân tế (9) nhạ vĩ đồ, ma hứ-dã năng thát (10)”

.)Tiếp tướng **Bảo Ba La** (Ratna-pāramitā: Bảo Ba La Mật Bồ Tát)

Khen cầu **Tỳ Lô Tôn** (Vairocana)

Vì các hàng chúng sinh

Nói **Sở Cầu Tán** là:

“Đát-cương phộc nhật-la ca dã (1) phộc hộ tát đát-phộc tất-lý dạ nê-dã, tác ngật-la (3) một đá, la-đạt mạo địa (4) bá la ma la-đạt (5) hệ đa, nỗ nại-lý thể (6) la nghi năng la nga (7) tát ma dưông ma ma (8) ca ma dã tả (9) dã nại-vĩ thể tế (10) nhạ vĩ đồ ma hứ-dã năng thát (11)”

.)Tiếp, tướng **Pháp Ba La** (Dharma-pāramitā: Pháp Ba La Mật Bồ Tát)

Khen cầu **Vô Lượng Thọ** (Amitāyus)

Vì các hàng chúng sinh

Nói **Sở Cầu Tán** là:

“Đát-cương phộc nhật-la phộc tả (1) tát ca la tát (2) hứ đa, nỗ giảng tỳ (3) lộ ca-đạt ca lý-dã (4) ca la nỉ tát a (5) tát bát-la vật-lý đa (6) ca ma, hệ hàm (7) tát mãn đa, bạt nại-la (9) dã nễ-vĩ thể tế (10) nhạ vĩ đồ ma hứ-dã năng thát (11)”

.)Tiếp, tướng **yết Ma Tôn** (Karma-pāramitā: Nghiệp Ba La Mật Bồ Tát)

Khen cầu thân Tam Bảo

Vì các hàng chúng sinh

Nói **Sở Cầu Tán** là:

“Đát-cương phộc nhật-la yết la-ma (1) tát ma dạ ngật-la (2) ma hạ hứ đa la-đạt (3) tam mạo địa mãn xả (4) để la ca tam ma đá (5) nỗ giảng bệ (6) ca ma hứ hàm (7) ngu năng nễ dịch-dựng (8) ma hộ la đát-năng, bệc đặng (9) dã nễ-vĩ thể tế (10) nhạ vĩ đồ ma hứ-dã năng thát (11)”

**Bôn Ba La Mật**

Đã khen cầu xong

Lại niệm **Tam Đàn**

**Bí Mật Chân Ngôn** (Chân Ngôn như Kinh)

Cũng đến chữ **Án** (OM)

Âm thầm mà tụng

Đã tụng xong rồi

Có thể ngâm niệm

**Trí Tâm Chân Ngôn** (3 biến hoặc 5 biến)

“**Án** (1) tức đa bát-la để phệ đặng ca lỗ nhĩ (2)”

\*)OM\_ CITTA PRATIVEDHAM KAROMI

**Ngâm niệm Chân Ngôn** xong

Có thể lại ngâm niệm

**Kim Cương Trí Chân Ngôn**

**Quán Tế Tướng Chân Ngôn**

**Tiểu Quang Minh Chân Ngôn**



**Kim Cương Toái Chân Ngôn**  
**Quang Minh Trụ Chân Ngôn**  
**Kim Cương Thể Chân Ngôn**

Đều ba hoặc năm biến

Chân Ngôn tám Tôn này

Như Kinh nói lúc trước

Tưởng tành **A Súc Phật**

Như tùy **Tôn Ấn Khế**

Rộng như Kinh đã nói

Đã thành **A Súc** xong

Ngâm nói **Viên Mãn Minh**

Chân Ngôn là:

“**Án (1) tát phộc đất tha nghiệt đa (2) ca dã phộc ca tức đá (3) tam muội duệ năng (4) phộc nhật-la địa-lý ca (5) phộc nhật-la đất-ma cú hám, phộc nhật-la (6) tát ma duệ năng (7) a địa để sắt-xá, sa-phộc hàm hồng (8)**”

\*)OM\_ SARVA TATHĀGATA KĀYA VĀK-CITTA SAMAYENA\_ VAJRA-DHRK VAJRA-ATMAKOHAM VAJRA-SAMAYENA ADHITIṢṬA SVA-MĀM\_ HŪM

.)Đã tưởng **A Súc** xong

Lại tưởng hóa **Tỳ Lô** (Vairocana)

Ở trước mặt **A Súc**

Đã thành **Tỳ Lô** xong

Ngâm nói **Thành Tựu Minh**

Chân Ngôn là:

“**Án (1) tát phộc đất tha nghiệt đa (2) ca dã phộc ca tức đá (3) tam muội duệ năng (4) nhạ năng nhạ ca (5) nhạ năng đất-ma cú hám, nhạ năng (5) phộc nhật-la tát ma duệ năng (7) a địa để sắt-xá, sa-phộc hàm, án (8)**”

\*)OM\_ SARVA TATHĀGATA KĀYA VĀK-CITTA SAMAYENA\_ JINA JINAKA\_ JINA-ATMAKOHAM JINA-VAJRA-SAMAYENA ADHITIṢṬA SVA-MĀM\_ OM

.)Tưởng hóa **Tỳ Lô** xong

Tiếp, tưởng **Bảo Sinh Tôn** (Ratna-sambhava)

Đã thành **Bảo Sinh** xong

Ngâm nói **Viên Mãn Minh**

Chân Ngôn là:

“**Án (1) tát phộc đất tha nghiệt đa (2) ca dã phộc ca tức đá (3) tam muội duệ năng (4) la đất-năng địa-lý ca (5) la đất-năng đất-ma cú hám, la đất-năng (6) phộc nhật-la tát ma duệ năng (7) a địa để sắt-xá, sa-phộc hàm (8) đất-lăng (9)**”

\*)OM\_ SARVA TATHĀGATA KĀYA VĀK-CITTA SAMAYENA\_ RATNA-DHRK\_ RATNA-ATMAKOHAM\_ RATNA-VAJRA-SAMAYENA ADHITIṢṬA SVA-MĀM\_ TRĀM

.)Tưởng hóa **Bảo Sinh** xong

Tiếp, tưởng **Vô Lượng Thọ** (Amitāyus)

Thành **Vô Lượng Thọ** xong

Ngâm nói **Viên Mãn Minh**

Chân Ngôn là:

“**Án (1) tát phộc đát tha nghiệt đa (2) ca dã phộc ca tức đá (3) tam muội duệ năng (4) bát nạp-ma địa-lý ca (5) bát nạp-ma đát-ma cú hám, bát nạp-ma, phộc nhật-la tát ma duệ năng (6) a địa để sắt-xá, sa-phộc hàm (7) hột-lý-dĩ (8)**”

\*)OM\_ SARVA TATHĀGATA KĀYA VĀK-CITTA SAMAYENA\_ PADMA-DHRK\_ PADMA-ATMAKOHAM\_ PADMA-VAJRA-SAMAYENA ADHITIṢṬA SVA-MĀM\_ HRĪḤ

.)Đã thành **Di Đà** xong

Tiếp, tướng **Bất Không Tôn** (Amogha-siddhi: Bất Không Thành Tựu Phật)

Đã thành **bất Không** xong

Ngâm nói **Viên Mãn Minh**

Chân Ngôn là:

“**Án (1) tát phộc đát tha nghiệt đa (2) ca dã phộc ca tức đá (3) tam muội duệ năng (4) bát-la nghĩ-dã, địa-lý ca (5) bát-la nghĩ-dã đát-ma cú hám, bát-la nghĩ-dã (6) phộc nhật-la tát ma duệ năng (7) a địa để sắt-xá, sa-phộc hàm (8) A (9)**”

\*)OM\_ SARVA TATHĀGATA KĀYA VĀK-CITTA SAMAYENA\_ PRAJÑA-DHRK\_ PRAJÑA-ATMAKOHAM\_ PRAJÑA-VAJRA-SAMAYENA ADHITIṢṬA SVA-MĀM\_ AḤ

Năm Phật đã thành xong

**A Súc** ở phương giữa

**Tý Lô** tại phương Đông

Phương Nam: **Bảo Sinh Tôn**

Phương Tây: **Vô Lượng Thọ**

Phương Bắc: **Bất Không Tôn**

Tên là **A Súc Đàn**

**Bản Tôn Minh** năm chỗ

Niệm năm Chân Ngôn này

.)Tiếp, **bốn Thân Bồ Tát**

Bốn thân cận **A Súc**

Như thứ tự **Minh** dưới

Trước, tướng **Giới Bồ Tát**

Tướng khởi **Bồ Tát** xong

Ngâm niệm **Thành Tựu Minh**

Chân Ngôn là:

“**Án (1) đát la-ma đà đồ (2) phộc nhật-lý (3) sa-phộc ca dã phộc tức đá (4) nĩ thấ-t-giả la dạ, ma tát (5) Án (6) một đà lộ tả ninh (7) hồng, phát tra, lam (8)**”

\*)OM\_ DHARMA-DHĀTU VAJRĪ SVA-KĀYA VĀK-CITTA NIŚCALĀYA MĀSA\_ OM BUDDHA-LOCANE HŪM PHAT\_ RAM

.)Tướng **Giới Bồ Tát** xong

Tiếp, tướng **Diệm Bồ Tát**

Diệm Bồ Tát khởi xong

Ngâm niệm **Thành Tựu Minh**

Chân Ngôn là:

“**Án (1) đạt la-ma đà đố (2) phộc nhật-lý (3) sa-phộc ca đả phộc ca na đa (4) nỉ thất-giả la dạ, ma tát (5) Án (6) nhạ năng đả đát nỉ (7) nhạ năng, lộ tả ninh 98) hồng, phát tra, hàm (9)**”

\*)OM\_ DHARMA-DHĀTU VAJRĪ SVA-KĀYA VĀK-CITTA NIŚCALĀYA MĀSA\_ OM JINA YATĀNE, JINA-LOCANE HŪM PHAT\_ HAM

.)Tưởng **Diệm Bồ Tát** xong  
Tiếp, tưởng **Cam Lộ Tôn**  
Cam Lộ khởi thân xong  
Ngâm niệm **Thành Tựu Minh**  
Chân Ngôn là:

“**Án (1) đạt la-ma đà đố (2) phộc nhật-lý (3) sa-phộc ca đả phộc ca tức đa (4) nỉ thất-giả la dạ, ma tát (5) Án (6) đạt la-ma đả đát nỉ (7) đạt la-ma, lộ tả ninh 98) hồng, phát tra (8) mãng (9)**”

\*)OM\_ DHARMA-DHĀTU VAJRĪ SVA-KĀYA VĀK-CITTA NIŚCALĀYA MĀSA\_ OM DHARMA YĀTANE DHARMA-LOCANE HŪM PHAT\_ MAM

.)Tưởng **Cam Lộ Tôn** xong  
Tiếp, tưởng **Lực Bồ Tát**  
Lực Bồ Tát khởi xong  
Ngâm niệm **Thành Tựu Minh**  
Chân Ngôn là:

“**Án (1) đạt la-ma đà đố (2) phộc nhật-lý (3) sa-phộc ca đả phộc ca tức đa (4) nỉ thất-giả la dạ, ma tát (5) Án, yết la-ma ngật-lý (6) tát phộc yết la-ma giảng (7) phộc nhật-la khắt-lãng (8) sa-phả la phộc nhật-lý (9) hồng, phát tra, đẳng (10)**”

\*)OM\_ DHARMA-DHĀTU VAJRĪ SVA-KĀYA VĀK-CITTA NIŚCALĀYA MĀSA\_ OM KARMA-AGRI, SARVA KARMAYAM VAJRA-KRAM\_ SPHĀRA-VAJRA HŪM PHAT\_ TAM

\_Tiếp, tưởng bốn Bồ Tát  
Ngồi **bốn góc (4 góc chung quanh) A Súc**  
Trước **Giới**, tiếp **Diệm Tôn**  
Sau **Cam Lộ**, đến **Lực**  
Như **Ngoại Cúng Đường** dưới (*bên dưới*)

\_Tiếp, tưởng **A Súc Tôn**  
Tự khởi mười **Minh Vương**  
Minh Vương muốn khởi thời  
Ngâm niệm **Thành Tựu Minh**  
Chân Ngôn là:

“**Tát y phộc (1) phộc nhật-la đạt lô la nhạ (2) tức đa phộc nhật-la (3) sa-đát tha nghiệt đa (4) sa-phổ lãng nga (5) nghiệt ha năng (6) nỉ bát-đa thất-chiến noa (7) phộc nhật-la (8) ma hạ bát-la bạc (9) a tha tất-minh bà thủy đá (10) ma đễ-lý năng (11) sa-phổ lãng nga (12) nghiệt hạ năng, củ lãng (13)**”

\*)ŚAIVA VAJRA-DHĀRA-RĀJA\_ CITTA-VAJRA STATHĀ GATA\_ SPHORĀMGA GAHANA DĪPTA SCANĀDA-VAJRA MAHĀ-PRABHAḤ ATHA SMI BHAṢITA MATRṆAM SPHORĀMGA GAHARA KURAM

\_Đã tướng thành tựu xong  
Tướng khởi mười Minh Vương  
Mỗi mỗi tướng thân ấy  
Ấn Khế như trước nói  
Trước, tướng **Đông Minh Vương**  
Ngâm niệm Chân Ngôn là:

“**Ấn (1) phộc nhật-la nại-lãng-sái đót-lỗ đát yết tra (2) bà dã, tỳ la phộc dã (3)  
Ấn (4) phộc nhật-la khuất-lỗ đà (4) hồng hồng hồng, phát tra phát tra phát tra (5)  
diệm mạn củ hám (6)**”

\*)OM VAJRA DAMṢṬROTKATA-BHAYA BHAIKAVĀYA OM VAJRA-  
KRODHA HŪM HŪM HŪM PHAT PHAT PHAT YAMĀNTAKOHAM

\_Đã tướng **Đông Minh Vương**  
Tướng khởi phương Đông, đứng  
Ấn Tướng: tám Tôn riêng  
Danh Hiệu tùy đều khác  
Trước, nói **Thành Tựu Minh  
Minh Vương Thân Minh** này  
Đến xung chữ **Phát Tra (PHAT)**  
Xung danh hiệu đũ khác  
Đã tướng như vậy xong  
Tiếp, tướng **Nam Minh Vương**  
Ngâm niệm **Thân Chân Ngôn**  
Chân Ngôn là:  
“**Bát-la nghĩ-duơng đát củ hám**”  
\*)PRAJÑĀNTAKOHAM

\_Nam Minh Vương đã khởi  
Tiếp, tướng **Tây Minh Vương**  
Ngâm niệm **Thân Chân Ngôn**  
Chân Ngôn là:  
“**Bát nạp-ma đát củ hám**”  
\*)PADMĀNTAKOHAM

\_Tây Minh Vương đã khởi  
Tiếp, tướng **Bắc Minh Vương**  
Ngâm niệm **Thân Chân Ngôn**  
Chân Ngôn là:  
“**Vĩ ngật-nặng đát củ hám**”  
\*)VIGHNĀNTAKOHAM  
Bốn Đại Minh Vương này  
Đều tướng bốn phương vị  
Bắc Minh Vương đã khởi

\_Tiếp, tướng **Đông Nam Phương**  
Ngâm niệm **Thân Chân Ngôn**  
Chân Ngôn là:  
“**Ấn (1) trá chỉ, hồng nhược (2)**”

\*)OM\_ TAKKI HŪM JAḤ

.)Đông Nam Phương đã khởi  
Tiếp, tướng **Tây Nam Phương**  
Ngâm niệm **Thân Chân Ngôn**  
Chân Ngôn là:

“**Án (1) ninh la phộc nhật-la nan noa, hồng (2)**”

\*)OM\_ NĪLA-VAJRA-DANḌA HŪM

.)Tây Nam Phương đã khởi  
Tiếp, tướng **Tây Bắc Phương**  
Ngâm niệm **Thân Chân Ngôn**  
Chân Ngôn là:

“**Án (1) ồ ngật-la tuất la dã, hàm (2)**”

\*)OM\_ UGRA ŚŪLĀYA HŪM

.)Tây Bắc Phương đã khởi  
Tiếp, tướng **Đông Bắc Phương**  
Ngâm niệm **Thân Chân Ngôn**  
Chân Ngôn là:

“**A tả la cật-lý (1) ma hạ bát la bạc (2) hạ hạ hạ (3) hộc (4) hồng hồng hồng (5) phát tra (6)**”

\*)ACALA AGRI MAHĀ-PRABHAḤ \_ HA HA HA HOḤ\_ HŪM HŪM  
HŪM PHAT

Bốn Đại Minh Vương này

Thứ tự ở bốn góc

**Đông Bắc Phương** đã khởi

\_Tiếp, **Hạ Phương Minh Vương**

Ngâm niệm **Bí Già Đà**

Chân Ngôn là:

“**A đật phộc nhật-la đật lỗ la nhạ (1) đễ-lý lộ chỉ-dã ngật-la nễ sái tát ca (2) bát-la hột-lý sắt-xá, vĩ la tì mạt sát (3) ca lỗ noa, lẳng ca la, vĩ ngật-la đát (4)**”

Đã niệm **Già Tha (Gāthā)** xong

Ngâm niệm **Linh Nghiệm Minh**

Chân Ngôn là:

“**Tát lỗ nại-la tĩ nại-la tô tân nại-la (1) tát tán nại-la lý-ca nhạ mẫn tát giảng (2) đát-thúc lộ chỉ-dã vĩ nhạ duệ, vĩ lỗ (3) ngu hứ-dã la-tra khuất lý thể thấp-phộc la (4)**”

Ngâm niệm **Linh Nghiệm** xong

Ngâm niệm **Thân Chân Ngôn**

Chân Ngôn là:

“**Án (1) phộc nhật-la bá đa la dã (2) hạ hạ hạ, hộc, hồng, phát tra (3)**”

\*)OM\_ VAJRA-PĀTĀLĀYA \_ HA HA HA HOḤ\_ HŪM PHAT

Đã niệm **Thân Thành Tụ**

Tâm tưởng ở phương dưới

Nếu tưởng **Đàn Trường Vị**

Ở **Đông Phương Minh Vương**

Nơi mặt sau mà đứng

.)Tiếp, **Thượng Phương Minh Vương**

Ngâm niệm **Thân Chân Ngôn**

Chân Ngôn là:

“**Án (1) năng mô tam mãn đa (2) ca dã phộc ca tức đa (3) phộc nhật-la nam (4) Án (5) thú lễ nĩ (6) sa-phộc hạ (7)**”

\*)OM NAMO SAMANTA KĀYA VĀK-CITTA VAJRĀṆĀM\_ OM\_ SŪLIṆI SVĀHĀ

**Thượng Phương Minh Vương** khởi

Tâm tưởng ở phương trên

Bày vị trí Đản Trường

Ở **Tây Phương Minh Vương**

Mặt sau mà an lập

Tưởng mười Minh Vương xong

\_Tiếp **Câu (Amkuśa) Sách (Pāśa) Tỏa (Sphoṭa) Linh (Ghaṃṭa)**

Cũng ở **A Súc Tôn**

Thứ tự mà khởi tưởng

Tâm tưởng bốn Bồ Tát

Thứ tự đều an cư

Sau **Minh Vương** bốn phương

Nếu tưởng bày Đản Trường

Rồi ngồi ở bốn góc

Chân Ngôn với **Ấn Khế**

.)Trước, tưởng **Kim Cương Câu (Vajrāṃkuśa)**

Thân Bồ Tát dấy khởi

Đã tưởng thân an ngồi

Rồi tác **Câu Triệu ấn**

Hai tay Kim Cương Quyền

Dụng thẳng cùng chéo lưng

Bên trái đê bên phải

Duỗi **Lực** (ngón trỏ trái) co **Tiền Độ** (ngón trỏ phải)

**Tiền Độ** (ngón trỏ trái) hơi chiêu mời

Ngâm niệm **Kim Cương Câu**

**Bồ Tát Chân Ngôn** là:

“**Án (1) phộc nhật-la củ xả, nhược nhược nhược, hồng (2)**”

\*)OM\_ VAJRĀṂKUŚA JAḤ JAḤ JAḤ HŪM

.)Đã tưởng **Kim Cương Câu (Vajrāṃkuśa)**

Thân Bồ Tát dấy khởi

Tiếp tưởng **Sách Bồ Tát (Vajra-pāśa)**

Hai tay Kim Cương Quyền

Ngửa **Tiền** (ngón trỏ phải) hợp **lực Độ** (ngón trỏ trái)

Dụng **Tiền Lực** (2 ngón trỏ) móc nhau

Ngâm niệm **Kim Cương Sách**

**Bồ Tát Chân Ngôn** là:

“**Án (1) phộc nhật-la bá xả, hồng hồng hồng, ma tra (2)**”

\*)OM\_ VAJRA-PĀŚA HŪM HŪM HŪM MAṬ

.)Đã tưởng **Kim Cương Sách**

Thân Bồ Tát đầy khởi

Tiếp, tưởng **Kim Cương Tỏa** (Vajra-sphoṭa)

Hai tay Kim Cương Quyền

Ngửa duỗi nơi **Lực Độ** (ngón trở trái)

Hợp **Tiến** (ngón trở phải) móc nơi **Lực** (ngón trở trái)

Ngâm niệm **Kim Cương Tỏa**

**Bồ Tát Chân Ngôn** là:

“**Án (1) phộc nhật-la sa-phổ tra, tông tông tông, hồng, đát-la tra (2)**”

\*)OM\_ VAJRA-SPHOṬA VAṬ VAṬ VAṬ HŪM TRĀṬ

.)Đã tưởng **Kim Cương Tỏa**

Thân Bồ Tát đầy khởi

Tiếp, tưởng **Linh Bồ Tát** (Vajrāveśa)

Hai tay Kim Cương Quyền

Hợp **Lực** (ngón trở trái) làm **câu hình** (hình móc câu)

Cạnh **Tiến** (ngón trở phải) móc **Lực Độ** (ngón trở trái)

Ngâm niệm **Kim Cương Linh**

**Bồ Tát Chân Ngôn** là:

“**Án (1) phộc nhật-la phệ xả học (3 biến) hạ hạ hạ, học, hồng hồng, phát tra phát tra, sa-phộc hạ (2)**”

\*)OM\_ VAJRĀVEŚA HOḤ\_ HA HA HA HŪM HŪM PHAṬ PHAṬ SVĀHĀ

Thỉnh bốn Bồ Tát ngồi

Lại tưởng **Phạn Án Danh** (Án tiếng Phạn và tên tiếng Phạn)

Án tức thân Bồ Tát

Tên **Phạn** tên **Án** là:

“**Tam muội gia mẫu nại-la (1) yết la-ma mẫu nại-la (2) đạt la-ma mẫu nại-la (3) nghi-dã năng mẫu nại-la (4)**”

\*) SAMAYA-MUDRA, KARMA-MUDRA, DHARMA-MUDRA, JÑĀNA-MUDRA

Tên Phạn Án Khế xong

Tiếp, tưởng tám Bồ Tát

Tưởng từ **A Súc Tôn**

Mà khởi tám Bồ Tát

Tám Bồ Tát muốn khởi

Thời khởi **Đại Già Tha** (Mahā-gāthā):

“**Thất-lý, tam mãn đa, bạt nại-lăng (1) nễ nhạ lỗ bà củ năng vi thể-dạ (2) ám, ma la mặt đễ, mặt dữu khiết (3) dạ sa-đá tát lý, mãn đà ca lý (4) vĩ la tức đá, mặt đát mê đá (5) dạ nễ-lý xả củ năng ca sảng (6) ngu lộ nhạ năng, ma đễ mãn đát (7) diễn đát la khấn tức đa na nễ (8) thất-la thất dạ đễ chỉ la, mãn đà diễn đát đố diễm, bát-la dạ đát (9)**”

Đã nói **Già Tha** xong

Tưởng từ **A Súc Tôn**

Trước, khởi **Quán Tự Tại** (Avalokiteśvara)

Chân Ngón với Ấn Khế

Chữ Chủng Trí, thứ tự

Như văn dưới rộng nói

Quán Tự Tại muốn khởi

Trước, nói **Thành Tựu Minh**

“**Đát đát-la, nễ nhĩ-dã, tác khát-lữ (1) cật-lý đễ, nghiệt la-bà, cật-lý (2)**”

\*)SATRĀ DEVYA CAKṢU KRTE GARBHA \_ KR

.)Quán Tự Tại đã khởi

Tiếp tướng **Kim Cương Thủ** (Vajra-pāṇi)

**Thành Tựu Thân Minh** là:

“**Đát đát-la, nễ nhĩ-dã, tuất-lỗ đát-lỗ (1) phộc nhật-la bá nê, nhật-lãng (2)**”

\*)SATRĀ DEVYA ŚROTRA VAJRA-PĀṆI \_ JRAM

.)Kim Cương Thủ đã khởi

Thứ tự ở cửa Đông

Tướng mặt hướng Bản Tôn

Trái phải mà an ngồi

Tiếp, tướng **Hư Không Tạng** (Ākāśa-garbha)

**Thành Tựu Thân Minh** là:

“**Đát đát-la, nễ nhĩ-dã, “Đát đát-la, nễ nhĩ-dã, già-la nẳng (1) a ca xả nghiệt la-bà, khur (2)**”

\*)SATRĀ DEVYA GHRĀṆA ĀKĀŚA-GARBHA \_ KHA

.)Hư Không Tạng đã khởi

Tiếp tướng **Đại Bi Tôn** (Mahā-kāruṇika)

**Thành Tựu Thân Minh** là:

“**Đát đát-la, nễ nhĩ-dã, nhĩ hạt-phộc (1) lộ ca na thát, dạ (2)**”

\*)SATRĀ DEVYA JIHVA LOKA-NĀTHA \_ YĀ

.)Đại Bi Tôn đã khởi

Thứ tự ở cửa Nam

Tướng mặt hướng về Phật

Trái phải mà an ngồi

Tiếp, tướng **Địa Tạng Tôn** (Kṣiti-garbha)

**Thành Tựu Thân Minh** là:

“**Đát đát-la, nễ nhĩ-dã, ca dã (1) tát phộc nễ phộc la noa (2) vĩ thủy-giăng mê, sa-giăng (3)**”

\*)SATRĀ DEVYA-KĀYA SARVA NIVARAṆA VIŚYAM ME \_ ŚYĀM

.)Địa Tạng Tôn đã khởi

Tiếp tướng **Tát Đỏa Tôn** (Vajra-satva)

**Thành Tựu Thân Minh** là:

“**Đát đát-la, nễ (1) nhĩ-dã, ma nẳng (2) phộc nhật-la tát đát-phộc, tăng (3)**”

\*)SATRĀ DEVYA MANA VAJRA-SATVA \_ TAM

.)Tát Đỏa Tôn đã khởi



Thứ tự ở cửa Tây  
Tướng mặt hướng Bản Tôn  
Trái phải mà an ngôi  
Tiếp, tướng **Diệu Cát Tường** (Maṃjuśrī)

**Thành Tựu Thân Minh** là:

“**Đát đát-la, nễ nhĩ-dã, la khu-minh (2) mãn cụ thất-lý duệ, hàm (2)**”

\*)SATRĀ DEVYA RAKṢA ME MAṂJUŚRĪYE\_ MAM

.)Cát Tường Tôn đã khởi

Tiếp, tướng **Di Lạc Tôn** (Maitreya)

**Thành Tựu Thân Minh** là:

“**Đát đát-la, nễ nhĩ-dã, vĩ lý-duệ (1) mỗi để-lý dã, minh (2)**”

\*)SATRĀ DEVYA VĪRYE MAITREYA\_ MAI

\_ Di Lạc Tôn đã khởi

Tiếp, tướng ở cửa Bắc

Tướng mặt hướng Bản Tôn

Trái phải mà an ngôi

Tướng tám Bồ Tát xong

\_Tiếp, tướng mười hai Tôn

Nơi tám Bồ Tát trước

Tướng ra mười hai Tôn

Các Bồ Tát cúng dường

Nhóm hương hoa đã cắm

Chữ Chủng Trí, thứ tự

Như bày **Hoa Đàn** nói

Mật Khế với Chân Ngôn

Như **dưới** (văn bên dưới): **Ngoại Cúng Dường**

\_ Nếu tướng **Địa Đàn** thời

Các Tôn Vị bên trên

Mặt đều hướng Bản Tôn

Bên ngoài, bày Đàn Trường

Hoặc phần, hoặc lúc vẽ

Tôn Vị của Đàn Trường

Y phương vị đều gồi

\_ Nếu tướng **ba Đàn** thời

Như tướng **Địa Đàn Vị**

Tướng **Địa Đàn** xong rồi

Tiếp, tướng hai bàn tay

Tạo làm hình hoa sen

Tướng đến nơi phương trên

Nâng tiếp các Như Lai

Rồi ở **Địa Đàn Vị**

Như **nước, sữa** hợp nhau

Ngâm niệm **Phụng Thỉnh Minh**

Chân Ngôn là:

“**Án (1) trá kễ, a ca chà dĩa (2) bát-la phệ sái dĩa (3) mấn đà (4) cấu sái dĩa (5) hồng, nhược hồng tông hộc (6) hạ hạ hồng (7)**”

\*)OM\_ TAKKI AKĀŚĀYA BANDHA KOŚĀYA HŪM\_ JAḤ HŪM VAM  
HOḤ\_ HA HA HŪM

\_Ngâm niệm **Phụng Thỉnh** xong  
Hoặc ba hoặc năm biến  
Lại ngâm niệm **Câu, sách**  
**Tỏa, Linh** với **Ấn Khế**  
Kèm **Minh** đều ba biến  
Tưởng thỉnh **Thượng Phương Đàn**  
Giáng xuống bên trong Đàn  
Có thể tưởng thân mình  
Khiến Ta là **Kim Cương**  
**Tát Đỏa A Xà Lê**  
Ngâm niệm **Đại Kim Cương**  
**Kiên Có Bất Thoái Minh**  
Hoặc ba hoặc năm biến  
Tưởng ở cửa Đông lễ  
Chân Ngôn là:

“**Án , tát phộc đát tha nga đá, bồ tổ bá, sa-tha năng dĩa, a đát ma nam, nễ lý-  
dĩa dĩa, dạ nhĩ, tát phộc đát tha nga đá, phộc nhật-la tát đát-phộc, địa sắt-xá, sa-  
phộc hàm, hồng**”

\*)OM\_ SARVA TATHĀGATA PUŚPA ATMANAM NIRYĀTA YĀMI\_  
SARVA TATHĀGATA VAJRA-SATVA ADHIṢṬA SVA-MĀM HŪM

.)Tưởng cửa Đông lễ xong  
Có thể tưởng thân mình  
Cầu nơi **Bảo Sinh Tôn**  
Nguyện làm **Kim Cương Bảo**  
**Quán Đỉnh A Xà Lê**  
Ngâm niệm **Kim Cương Bảo**  
**Quán Đỉnh Bí Mật Ngôn**  
Tưởng ở cửa Nam lễ  
Chân Ngôn là:

“**Án , tát phộc đát tha nga đá, bồ nhạ, tỳ sái ca dĩa, a đát-ma nam, nễ lý-dĩa dĩa,  
dĩa nhĩ, tát phộc đát tha nga đá, phộc nhật-la la đát-năng, tỳ sấn tả, sa-phộc hàm,  
đát-lạc**”

\*)OM\_ SARVA TATHĀGATA-PŪJA ABHIṢEKĀYA ĀTMANAM  
NIRYĀTA YĀMI\_ SARVA TATHĀGATA VAJRA-RATNA ABHISIMCA  
SVA-MĀM TRĀḤ

.)Đã tưởng **Quán Đỉnh** xong  
Có thể tưởng thân mình  
Cầu nơi **Vô Lượng Thọ**  
Nguyện ta là **Kim Cương**  
**Thuyết Pháp A Xà Lê**  
Y Pháp mà tu hành

Rộng bày nơi cúng dường  
Rồi tụng Chân Ngôn này  
Tướng ở cửa Tây lễ  
Chân Ngôn là:

“**Án , tát phộc đất tha nga đá, bố nhạ, bát-la phộc đá năng dã, a đất-ma nam, nễ lý-dã đá, dã nhĩ, tát phộc đất tha nga đá, phộc nhật-la đạt ma, bát-la phộc đá dã, sa-phộc hàm, hột-ly-dĩ**”

\*)OM\_ SARVA TATHĀGATA-PŪJA PRAVARTTA-NAYA ĀTMANAM  
NIRYĀTA YĀMI\_ SARVA TATHĀGATA DHARMA-PRAVARTTĀYA SVA-  
MĀM HRĪḤ

.)Đã tưởng **Thuyết Pháp** xong  
Tiếp, nên tưởng thân mình  
Cầu nơi **Bát Không Tôn**  
Nguyện ta là **Kim Cương**  
**Nhất Thiết Sự Nghiệp Thành**  
**Yết Ma A Xà Lê**  
Bền chắc chẳng sinh diệt  
Biện sự không có cùng  
Đang cúng dường chư Phật  
Nguyện tất cả hữu tình  
Đều đợc Quả **Tất Địa**  
Rồi tụng Chân Ngôn này  
Tướng ở **cửa này** (?cửa Bắc) lễ  
Chân Ngôn là:

“**Án , tát phộc đất tha nga đá, bố nhạ, ca ma nê, a đất-ma nam, nễ lý-dã đá, dã nhĩ, tát phộc đất tha nga đá, phộc nhật-la ca ma củ lỗ, sa-phộc hàm, ác**”

\*)OM\_ SARVA TATHĀGATA-PŪJA KARMAṆĪ ĀTMANAM NIRYĀTA  
YĀMI\_ SARVA TATHĀGATA KARMA KURU SVA-MĀM AH

\_Đã tưởng **Yết Ma** (Karma) xong  
Tiếp, nên tưởng thân mình  
Là **Trung Phương Luân Vương**  
**Kim Cương A Xà Lê**  
Nếu tưởng bốn cửa thời  
Mỗi cửa tưởng lưu một  
**Truyền Giáo A Xà Lê**  
**Luân Vương A Xà Lê**  
Ngâm tụng Già Đà này  
Cửa đông lễ **phương giữa**  
Chân Ngôn là:

“**Án, tát phộc đất tha nga đá, ca dã nhĩ, phộc chỉ tức đá, phộc nhật-la, bát-la na minh, phộc nhật-la mãn nại nam, ca lỗ nhĩ. Án, phộc nhật-la vĩ dát**”

\*)OM\_ SARVA TATHĀGATA KĀYA ME VĀK-CITTA VAJRA PRA....  
VAJRA VĀNDANAM KAROMI\_ OM VAJRA VID

\_Luân Vương A Xà Lê  
Làm **Tự Tại Chủ** xong

Vận Tâm vào **Địa Đàn**  
Nghĩ tưởng vào Địa Đàn  
Ngâm niệm **Bách Tụ Minh**  
Đã Tụng **Bách Tụ** xong  
Tưởng Đàn như **mão đội** (đầu quan: mao đội đầu)  
Tưởng làm mao đội xong  
Ngồi yên suy nghĩ kỹ  
Lại tưởng **Đầu Quan Đàn**  
Trước, tưởng Phật năm phương  
Cho thân mình **Quán Đỉnh**  
Đã tưởng Quán Đỉnh xong  
Lại tưởng các **Tôn Vị** (vị trí của các Tôn)  
Đều tưởng **Bản Tôn Minh**  
Với **Bản Tôn Ấn Khế**  
Nếu có Tâm mệt mỏi  
Tạm tưởng trong **Đỉnh Đàn**  
Tất cả các Hiền Thánh  
Tôn vị, chữ Chủng Trí  
Thứ tự mà tưởng bày  
Đã tưởng an bày xong  
An Tâm, lặng chẳng động  
Ở vị trí phương giữa  
Khá lâu rồi rời **Quán**

\_ Trước, niệm **Ngũ Phật Tán**  
Ca vịnh nơi Như Lai  
Bốn phương lễ bốn Phật  
Phương Đông lễ **Trung Tôn** (Tôn ở chính giữa)  
) **A Súc Như Lai** (Akṣobhya tathāgata)

“**Ác khuất-lỗ ti-dạ, phộc nhật-la, ma hạ nhạ-noa năng, phộc nhật-la đà đồ, ma hạ một đà, để-lý mạn noa la, để-lý phộc nhật-la, nga-la cụ sái phộc nhật-la, năng mô tốt-đồ để**”

\*) AKṢOBHYA-VAJRA MAHĀ-JÑĀNA-VAJRA-DHĀTU MAHĀ-BUDDHA TRIMANĀDALA TRIVAJRA AGRA-KOŚA-VAJRA NAMO STUTE

) **Tỳ Lô Giá Na Như Lai** (Vairocana tathāgata)

“**Phệ lô tả năng, ma hạ thuật đà (1) phộc nhật-la sưng đá, ma hạ la-tế (2) bát-la cật-lý để, bát-la bà sa-phộc la, ngật-la nga-lăng (3) nễ-phệ sái phộc nhật-la, năng mô tốt-đồ để (4)**”

\*) VAIROCANĀ MAHĀ-ŚUDDHA VAJRA-ŚĀNTA MAHĀ-RṢĪ PRAKRTE PRABHĀSVARA AGRA AGRAM\_DVEṢA-VAJRA NAMO STUTE

) **Bảo Sinh Như Lai** (Ratna-sambhava tathāgata)

“**La đất-năng la nhạ, tố nghiêm tỳ la (1) khu, phộc nhật-la ca sái ninh lý (1) ma la (2) sa-phộc bà phộc, thuật đà ninh lý-lệ bá (3) ca dã, phộc nhật-la, năng mô tốt-đồ để (4)**”

\*) RATNA-RĀJA SU-GAMBHĪRA, KHA-VAJRA ĀKĀŚA NIRMALA\_SVABHĀVA NIR-LEPA\_KĀYA-VAJRA NAMO STUTE

.)A Di Đà Như Lai (Amitāyus tathāgata)

“**Phộc nhật-la mật-lý đá, ma hạ nhạ-noa năng (1) ninh-lý vĩ ca-la bá khiết, phộc nhật-la đật-lý (2) ca la nga bá la nhĩ đá, bát-la bát-đát (3) bà sái, phộc nhật-la, năng mô tốt-đổ để (4)**”

\*)VAJRA-AMṚTA MAHĀ-JÑĀNA NIR-VIKALPAKA VAJRA-DHĀRIKĀ RĀGA-PĀRAMITĀ PRĀPTA \_ BHĀṢĀ-VAJRA NAMO STUTE

.)**Bất Không Thành Tựu Phật** (Amogha-siddhi buddha)

“**A mục khư phộc nhật-la, tam bộ đá (1) tát phộc sái bả lý bố la ca (2) sa-phộc bà phộc, thuật đà ninh lý-lệ bả (3) phộc nhật-la tát đát-phộc, năng mô tốt-đổ để (4)**”

\*)AMOGHA-VAJRA SAMBHŪTA SARVA ĀŚĀ PARIPŪRAKA \_ SVABHĀVA ŚUDDHA NIR-LEPA \_ VAJRA-SATVA NAMO STUTE

\_ Vận Tâm thỉnh **Địa Đàn**

Khởi đến trên đỉnh đầu  
Giống như mào đội đầu  
Hai Đàn như **nước, sữa**  
Hòa hợp một nơi, ngồi  
Ngồi yên suy nghĩ kỹ  
Khen ngợi năm Phật xong  
Châm chuông, chày cúng dường  
Kết Khế, niệm **Bản Minh**  
Thứ tự nói bên dưới

.)**A Súc Như Lai Khế**

Hai tay Kim Cương Phộc  
Trái, phải mà kéo mở  
Hai tay nghi xoay múa  
Quyền trái an ở rón  
Rũ tay phải chạm đất  
Dưới đến các Tôn Vị  
Trước **Phộc**, sau xoay múa  
Ấn Khế tuy đều khác  
Xoay múa dựa theo đây  
“**Ấn (1) ác khát-sô tỷ-dạ, hồng (2)**”

\*)OM\_ AKṢOBHYA HŪM

.)**Tỳ Lô Giá Na Phật**

Tay phải Kim Cương Quyền  
Dùng nắm đầu ngón **Lực** (ngón trỏ trái)  
“**Ấn (1) phộc nhật-la đà đố, tông (2)**”

\*)OM\_ VAJRA-DHĀTU VAM

.)**Bảo Sinh Như Lai ấn**

Ngửa quyền trái an rón  
Tay phải làm **Thí Nguyện**  
“**Ấn (1) la đát-năng tam bà phộc, đát-lạc (2)**”

\*)OM\_ RATNA-SAMBHAVA TRĀḤ

.)**Di Đà Như Lai Khê**

Ngửa hai tay cài chéo

Dụng **Tiến Lược** (2 ngón trỏ) chung lưng

**Thiên Trí** (2 ngón cái) *ngang đầu ngón* (đặt nằm ngang trên đầu 2 ngón trỏ)

“**Án (1) a nhĩ đá bà, hột-lý-dĩ (2)**”

\*)OM\_ AMITĀBHA HRĪḤ

.)**Bất Không Như Lai Ân**

Quyền trái lại an rón

Tay phải **Thí Vô Úy**

“**Án (1) a mô khư tất đệ, ác (2)**”

\*)OM\_ AMOGHA-SIDDHI AḤ

.)**Kim Cương Giới Bồ Tát**

Hai tay như hình sen

**Nhẫn Nguyễn** (2 ngón giữa) trụ đầu ngón

Thứ tự hé mở dần

“**Án (1) tát đà lộ tả nễ, hồng, sa-phộc hạ (2)**”

\*)OM\_ SIDDHA-LOCANE HŪḤ SVĀHĀ

.)**Kim Cương Diệm Bồ Tát**

Cạnh tay trái an tim

Hơi cong nơi ngón **Nguyễn** (ngón giữa trái)

Tay phải ép tay trái

Hơi cong nơi ngón **Nhẫn** (ngón giữa phải)

Cạnh chằng dính tay trái

“**Án (1) kê lý kê lý, ma mặt kê, hồng, sa-phộc hạ (2)**”

\*)OM\_ KILI KILI MĀMAKĪ HŪḤ SVĀHĀ

.)**Kim Cương Cam Lộ Khê**

Ngửa tay trái an **đùi** (bắp vế)

Giống như thế nắm vật

Tay phải co **Nhẫn** (ngón giữa phải) **Thiên** (ngón cái phải)

An trí cạnh trái tim

Hướng tim, chằng chạm thể

“**Án (1) thấp-phệ đế bán noa la, phộc tất nễ, tát phộc đạt ma sa đà nĩ, hồng, sa-phộc hạ (2)**”

\*)OM\_ ŚVETE-PĀṆḌARA-VĀSINĪ, SARVA-DHARMA-SĀDHANE HŪḤ SVĀHĀ

.)**Kim Cương Lược Bồ Tát**

Tay phải co ngón **Nhẫn** (ngón giữa phải)

An cạnh ngay trái tim

Tiếp, đưa tay trái đến

Hơi cong nơi ngón **Nguyễn** (ngón giữa trái)

Cạnh chằng chạm tay trái

**“Án (1) đá lợi, đốt đá lợi, đốt lợi, sa-phộc hạ (2)”**

\*)OM\_ TĀRE TUTTĀRE TURE SVĀHĀ

**.)Quán Tự Tại Bồ Tát**

Hai tay Kim Cương Phộc

Mở tay rồi ngửa bung

**“Án, khát-ly đế, nga la-bà dã, sa-phộc hạ”**

\*)OM\_ KRTE-GARBHĀYA SVĀHĀ

**.)Kim Cương Thủ Bồ Tát**

Quyền trái an cạnh eo

Tay phải như **Thí Nguyện**

**Thiền** (ngón cái phải) đè nơi **Nhẫn Độ** (ngón giữa phải)

**“Án (1) phộc nhật-la bát noa duệ, sa-phộc hạ”**

\*)OM\_ VAJRA-PĀṆĀYE SVĀHĀ

**.)Hư Không Tạng Mật Khế**

Quyền trái an cạnh eo

Tay phải cạnh trái tim

Dùng **Thiền** (ngón cái phải) đè **Nhẫn Độ** (ngón giữa phải)

**“Án (1) khiết, nga la-bà dã, hồng, sa-phộc hạ (2)”**

\*)OM\_ KHA-GARBHĀYA HŪM SVĀHĀ

**.)Đại Bi Bồ Tát Ấn**

Quyền trái an cạnh eo

Tay phải co **Giới Độ** (ngón vô danh phải)

Xoay phải đến tim bung

**“Án (1) lộ kế thấp-phộc la, la nhạ dã, sa-phộc hạ (2)”**

\*)OM\_ LOKEŚVARA-RĀJĀYA SVĀHĀ

**.)Địa Tạng Bồ Tát Khế**

Hai tay **Tiên Lực** (2 ngón trỏ) móc

Kéo mở rồi bung Ấn

**“Án (1) tát phộc nê phộc la năng, vĩ thiết-kiếm bà duyệ, hồng (2)”**

\*)OM\_ SARVA-NĪVARAṆA-VIṢKAMBHAYA HŪM

**.)Tát Đỏa Bồ Tát Ấn**

Quyền trái an cạnh eo

Tay phải ở cạnh rốn

Co **Thiền** (ngón cái phải) bấm **Nhẫn** (ngón giữa phải) **Tiên** (ngón trỏ phải)

**“Án (1) tam mãn đa bạt nại-lạt dã, hồng (2)”**

\*)OM\_ SAMANTA-BHADRĀYA HŪM

**.)Diệu Cát Tường Bồ Tát**

Quyền trái an cạnh eo

Tay phải: **Thiền** (ngón cái phải) vịn **nhẫn** (ngón giữa phải)

Hai mắt tùy tay, nhìn

**“Án (1) mãn tổ thất-ly, noa thát, hồng (2)”**

\*)OM\_ MAMJUSRĪ-NĀTHA HŪM

**.)Di Lạc Bồ Tát Ấn**

Quyền trái an cạnh eo

Tay phải trước trái tim

Bấm vạch giữa ngón **Nhẫn** (ngón giữa phải)

“**Ấn (1) mỗi để-lý dạ, hồng, sa-phộc hạ (2)**”

\*)OM\_ MAITREYA HŪM SVĀHĀ

Nơi này nên niệm

Mười Đại Minh Vương

Chân Ngôn, Ấn Khế

Rộng như Quyển riêng

**.)Đăng Cúng Đường Bồ Tát**

Tay trái nâng tay phải

Duỗi ngón **Nhẫn** (ngón giữa phải) cúng đường

“**Ấn (1) phộc nhật-la lộ kế, nễ, hồng (2)**”

\*)OM\_ VAJRA-ĀLOKE DĪ HŪM

**.)Tỳ Bà Bồ Tát Khế**

Hai tay làm thế búng

“**Ấn (1) phộc nhật-la vĩ nại, ác (2)**”

\*)OM\_ VAJRA-VĪṆA AḤ

**.)Thieu Hương Cúng Đường Khế**

Hai tay cầm lò hương

Như thế cúng đường Phật

“**Ấn (1) phộc nhật-la độ bé (2)**”

\*)OM\_ VAJRA-DHŪPE

**.)Ấm Thực Cúng Đường Khế**

Hai tay ở trước mặt

Giống như thế nâng vật

“**Ấn (1) phộc nhật-la a ninh-dã, hồng (2)**”

\*)OM\_ VAJRA-ĀDYA HŪM

**.)Y Cúng Đường Bồ Tát**

Hai tay Kim Cương Quyền

**Thiên Trí** (2 ngón cái) vịn **Tiến Lực** (2 ngón trỏ)

Nghiêng xoay, múa theo phải

Tương như thế mặc áo

“**Ấn (1) phộc nhật-la la tế, hồng (2)**”

\*)OM\_ VAJRA-LĀSYE HŪM

**.)Tán Hoa Bồ Tát Khế**

Tay trái như nắm hoa

Tay phải **Thiên** (ngón cái phải) vịn **Nhẫn** (ngón giữa phải)



Tay phải hướng năm hoa  
Giống như thể lấy hoa  
Tưởng rải trên đỉnh Phật  
“**Án (1) phộc nhật-la bồ sáp-bế, hồng (2)**”  
\*)OM\_ VAJRA-PUṢPA HŪM

.)**Quán (xỏ xâu) Hoa Bồ Tát Khế**  
Hai tay ở trong lòng  
Giống như thể lấy hoa  
Tưởng từ trên đỉnh Phật  
Sau đỉnh xoay vòng cột  
“**Án (1) phộc nhật-la ma lệ dã, hồng (2)**”  
\*)OM\_ VAJRA-MĀLEYA HŪM

.)**Đồ Hương Bồ Tát Khế**  
Hai tay hướng ngoài, xoay  
Dựng thẳng, bung bên ngoài  
“**Án (1) phộc nhật-la hiền đê, hồng (2)**”  
\*)OM\_ VAJRA-GANDHE HŪM  
Tám Đại Bồ Tát này  
Ở tại **viện thứ ba**  
Thứ tự ở bốn cửa  
Trái, phải mà an ngồi

\_Tiếp, **Kính Bồ Tát Khế**  
Tay trái an cạnh eo  
Tay phải cầm cái gương  
Tỏa sáng soi chiếu Phật  
“**Án (1) phộc nhật-la nại la-bá nễ, hộc (2)**”  
\*)OM\_ VAJRA-DARPANE HŪM

.)**Ca Cúng Đường Bồ tát**  
Quyền trái an cạnh eo  
Tay phải: ngón **Nhẫn** ((ngón giữa phải) **Tiến** (ngón trỏ phải)  
Dựng thẳng cùng vỗ nhau  
“**Án (1) phộc nhật-la bồ nghĩ đế, nga, hồng (2)**”  
\*)OM\_ VAJRA-GĪTE GAḤ HŪM

.)**Cam Lộ Bồ Tát Ân**  
Tưởng lòng bàn tay trái  
Cầm giữ nước Cam Lộ  
Tay phải: ngón **Giới** (ngón vô danh phải) búng  
Tưởng rưới trên **Phật Đản**  
“**Án (1) phộc nhật-la ồ na ca đố sái tát (2)**”  
\*)OM\_ VAJRA-UDAKOṢṬHA

.)**Vũ Cúng Đường Bồ Tát**  
Hai tay làm thể múa

“**Án (1) phộc nhật-la nễ-lý đế, nga, hồng (2)**”

\*)OM\_ VAJRA-NRTI GAH HŪM

Bốn Đại Bồ Tát này

Ở tại **Viện thứ ba**

Thứ tự đều an cư

Ngồi yên ở bốn góc

\_ Bí mật cúng dường xong

Dùng thức ăn uống hiến

Hoa quả với hương xoa

Mọi loại mà cúng dường

Nếu Tâm chẳng mệt mỏi

Các **Pháp thức** chẳng tận

Muốn ra khỏi Đạo Trường

Nên niệm **Phụng Tống Minh**

Lại tự suy nghĩ kỹ

Ngửa bách các Như Lai

“Con vận Tâm cúng dường

Các việc Pháp trong ngoài

Hoặc có điều sai lầm

Nguyện Phật thương xót con

Lại tuôn nước Cam Lộ

Tẩy rửa tất cả tội

Thầy đều khiến tiêu diệt”

\_ Lại niệm **Bách Tự Minh**

Bách Tự Minh xong rồi

Mới niệm **Phụng Tống Minh**

“**Án (1) cật-lý cầu phộc, tát phộc tát đất-phộc (2) la-tha, đất-tất đẵng (3) na đất-phộc dã tha noa nga-đát (4) nga tha đặc-tông, tát phộc một đà vĩ sai diễn (5) vĩ hạ la đặc-tông, dã tha tổ khiếm (6) dã đất-la, dã đất-la, tát mẫu đất-bá nam (7) mẫu nại-la, tát phộc tát ma tát đá (8) mẫu lý đế-duệ phộc tát mẫu, tả lý-duỡng (9) đất đất-la, đất đế-lý phộc, mô khát-xoa duệ (10) tát ma bát-đát (11) tát tất-lý năng, nhạ-noa năng, tát đất-phộc (12) ốt tát-tha dã, mẫn đất-lý (13) vĩ hạ lý dã, la-tha, tổ khiếm (14) dã đất khấn tức ca la-ma ninh (15) ca-lý đá nễ bôn nễ-duỡng (16) đẵng tát phộc tát đất-tông (17) bá lý năng ma duệ đa (18) cật-lý đá ninh, ca la-ma ninh (19) tổ na lỗ năng ninh (20) bát-la ca xá duệ năng (21) bát-la đế tha na duệ đá (22) củ nhĩ đất-la (23) tam bát ca phộc xả ca na tức (24) la cật-đế năng mộng nỉ năng (25) vĩ mô hứ đế năng ca duệ năng, phộc chỉ-dã (26) ma năng tát ca-lý đẵng nhĩ (27) đẵng tát phộc bát bạn, bát-la đế nễ sai dã nhĩ (28)**”

\_ **Kim Cương A xà Lê**

Cho Đệ Tử **Quán Đỉnh**

Như trên, trước tướng **Đàn**

Cũng nên tụng Mật Ngôn

Ấy là bốn Minh Vương

.)**Bát La Nê Dã Đát Ca**

**Chân Ngôn** dùng hoa gạo  
Đánh **năm chướng** (của) Đệ Tử

.)**Bát Nạp Ma Minh Vương**  
Thieu đốt hạt cải trắng  
Xông ướp người nhận Pháp  
Tất cả các phiền não

.)**Trá Chỉ La Nhạ Vương**  
Gia trì vào nước sạch  
Rưới vảy thân Đệ Tử  
Để trừ các tội dơ

.)**Bá Đa La Chân Ngôn**  
Dùng gia trì **Sinh Phạn**  
Cúng dường nơi chư Thiên  
Rồng, Thần, nhóm tám Bộ”

Nói Đàn bí mật gia trì Pháp này xong, bảo Bồ Tát Di Lặc rằng: “Nguyện trao cho Quán Đỉnh, trước tiên kết Đại Mạn Noa La Đàn rồi trao cho Quán Đỉnh”

Bấy giờ, Đức Thế Tôn nói **Ngũ Như Lai Quán Đỉnh Chân Ngôn** là (Chân Ngôn như Kinh)

“Pháp này kín sâu xa  
Chẳng được vọng tuyên truyền  
Trừ gặp người Trí Tuệ  
Mới có thể diễn nói”

KINH DIỆU CÁT TƯỜNG  
BÌNH ĐẰNG TỐI THƯỢNG QUÁN MÔN ĐẠI GIÁO VƯƠNG  
\_QUYỀN THỨ BA (Hết)\_